

Số: 49/2022/QĐST-HNGĐ

Hải Dương, ngày 07 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc Hôn nhân và gia đình gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Vũ Thanh Tuấn.

Thư ký phiên họp: Ông Trần Hải Minh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp: Bà Bùi Thị Hậu – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 148/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2022 về việc yêu cầu Công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con theo Quyết định mở phiên họp số 152/2022/QĐMPH-ST ngày 22 tháng 6 năm 2022:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

- Chị Phạm Thị H, sinh năm 1992.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ hiện nay: Đài Loan

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Văn X, sinh năm 1956, địa chỉ: Xã P, huyện T, thành phố Hà Nội.

Các đương sự đều vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị H được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn ngày 18/02/2013 tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh T chung sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, không ai quan tâm đến cuộc sống riêng của nhau. Đồng thời, chị H có mâu

thuần với bố mẹ đẻ của anh T. Sau đó, chị H đưa cháu Phương bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 08/2016 và vợ chồng anh T ly thân từ đó đến nay, cắt đứt liên lạc với nhau, không còn quan tâm đến cuộc sống riêng của nhau. Đồng thời, đầu năm 2017, chị H đi lao động tại Đài Loan, cắt đứt liên lạc với anh T và không còn quan tâm đến cuộc sống riêng của nhau nên anh T và chị H thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Anh T và chị H có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Hà P (sinh ngày 20/12/2015) đang ở cùng ông bà ngoại tại xã P, huyện T, thành phố Hà Nội. Anh T và chị H thống nhất thỏa thuận giao cháu Phương cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Anh T và chị H cùng thỏa thuận về việc anh T có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định của pháp luật là 1.500.000đ/tháng cho đến khi cháu Phương đủ 18 tuổi trưởng thành. Trong thời gian chị H ở nước ngoài, ông X là bố đẻ của chị H sẽ thay mặt chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Phương.

- Về quan hệ tài sản chung: Anh T và chị H cùng xác định tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Anh T tự nguyện chịu cả lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến phiên họp, Thẩm phán, Thư ký và người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng. Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ, căn cứ sự thỏa thuận của các bên đương sự, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn T và chị Phạm Thị H về việc công nhận thuận tình ly hôn; về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của anh T và chị H, giao cháu Nguyễn Thị Hà P (sinh ngày 20/12/2015) cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.500.000đ/tháng. Trong thời gian chị H ở nước ngoài, ông X là bố đẻ của chị H sẽ thay mặt chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Phương. Về lệ phí: Chấp nhận sự tự nguyện của anh T chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc HNGĐ sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân và gia đình, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh T và chị H yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Anh Nguyễn Văn T hiện đang sinh sống ở Việt Nam, chị Phạm Thị H có hộ

khẩu thường trú tại Hải Dương, hiện đang sinh sống ở Đài Loan nên căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm h khoản 2 Điều 39 BLTTDS, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

Các văn bản chị H gửi về đều có xác nhận của Văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc nên được công nhận là hợp pháp.

Chị H hiện nay sinh sống ở Đài Loan không có điều kiện về Việt Nam nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt và ủy quyền cho ông Phạm Văn X giao nhận các văn bản tố tụng với Tòa án. Ông X đồng ý nhận ủy quyền của chị H.

Theo Công văn số 11801/QLXNC-P5 ngày 06/6/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh, lần cuối chị Phạm Thị H, sinh ngày 25/9/1992 xuất cảnh là vào ngày 17/01/2020 qua cửa khẩu Nội Bài bằng hộ chiếu số B4492996, hiện nay chị H chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên họp anh T, chị H vắng mặt nhưng đều đề nghị giải quyết vắng mặt nên TAND tỉnh Hải Dương tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 367 BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị H được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn ngày 18/02/2013 tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh T chung sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, không ai quan tâm đến cuộc sống riêng của nhau. Sau đó, chị H đưa cháu Phương bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 08/2016 và vợ chồng anh T ly thân từ đó đến nay, cắt đứt liên lạc với nhau, không còn quan tâm đến cuộc sống riêng của nhau. Anh T và chị H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Như vậy tình trạng vợ chồng giữa anh T và chị H đã trầm trọng, vợ chồng ly thân đã lâu, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh chị là tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung: Anh T và chị H có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Hà P (sinh ngày 20/12/2015) đang ở cùng ông bà ngoại tại xã P, huyện T, thành phố Hà Nội. Anh T và chị H thống nhất thỏa thuận giao cháu Phương cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Trong thời gian chị H ở nước ngoài, ông X là bố đẻ của chị H sẽ thay mặt chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Phương. Anh T tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo

quy định của pháp luật cho đến khi cháu Phương đủ 18 tuổi trưởng thành. Xét thấy hiện nay mức lương tối thiểu là 1.490.000đ/tháng, do đó cần chấp nhận sự tự nguyện của anh T về việc cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền là 1.500.000đ/1tháng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) đến khi con chung đủ 18 tuổi, đảm bảo việc nuôi dưỡng, phát triển bình thường của con chung, phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81, Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Anh T và chị H cùng xác định tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Anh T tự nguyện chịu cả lệ phí hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 149, khoản 2 Điều 367, Điều 371, khoản 2 Điều 478 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Phạm Thị H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của anh T và chị H. Giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Nguyễn Thị Hà P (sinh ngày 20/12/2015) từ tháng 7/2022 cho đến khi đủ 18 tuổi trưởng thành. Trong thời gian chị H ở nước ngoài, tạm giao cháu Phương cho ông Phạm Văn X trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Phương.

Anh T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Chấp nhận sự tự nguyện của anh T về việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.500.000đ/tháng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), kể từ tháng 07/2022 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

4. Về lệ phí: Chấp nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn T về việc chịu cả lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, đối trừ với 300.000đ tiền tạm ứng lệ phí do anh T đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo biên lai số AA/2021/0000373 ngày 17/5/2022. Anh T đã nộp đủ.

Quyết định có hiệu lực pháp luật kể từ ngày **07/7/2022**.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;

THẨM PHÁN

- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã T, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu tòa.

Vũ Thanh Tuấn